

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 23/11/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	SV5708532	Nguyễn Văn	Tiến	24/06/1999		
2	TA0002	SV5708533	Tào Thuỳ	Trinh	15/08/1999		
3	TA0003	SV5708534	Trần Thê	Sơn	18/11/1999		
4	TA0004	SV5708535	Ngô Quốc Chương	Kiên	02/11/1999		
5	TA0005	SV5708536	Phạm Khắc	Kiên	13/06/1999		
6	TA0006	SV5708537	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29/06/1999		
7	TA0007	SV5708538	Nguyễn Ngọc	Lê	09/05/1999		
8	TA0008	SV5708539	Trần Thu	Huệ	12/11/1999		
9	TA0009	SV5708540	Nguyễn Hữu Thu	Hương	17/11/2000		
10	TA0010	SV5708541	Nguyễn Duy	Thành	23/11/1999		
11	TA0011	SV5708542	Lưu Hoàng	Hà	28/12/1999		
12	TA0012	SV5708543	Trần Tiến	Đạt	06/08/1999		
13	TA0013	SV5708544	Trần Đức	Anh	23/09/1999		
14	TA0014	SV5708545	Nguyễn Thị Hương	Linh	28/10/1999		
15	TA0015	SV5708546	Phạm Anh	Đức	20/03/1999		
16	TA0016	SV5708547	Đỗ Văn	Luật	29/03/1999		
17	TA0017	SV5708548	Nguyễn Diệu	Thanh	07/10/1999		
18	TA0018	SV5708549	Nguyễn Hồng	Nhung	28/05/1999		
19	TA0019	SV5708550	Trần Thị Thùy	Linh	23/03/1999		
20	TA0020	SV5708551	Nguyễn Văn	Duy	12/06/1999		
21	TA0021	SV5708552	Phạm Hoàng Thu	Thảo	31/05/1999		
22	TA0022	SV5708553	Nguyễn Quang Ninh	Anh	25/05/1999		
23	TA0023	SV5708554	Phạm Anh	Đức	24/05/1999		
24	TA0024	SV5708555	Nguyễn Thị	Hà	25/08/1999		
25	TA0025	SV5708556	Trịnh Long	Duy	17/03/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
26	TA0026	SV5708557	Đặng Anh	Thư	02/09/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)